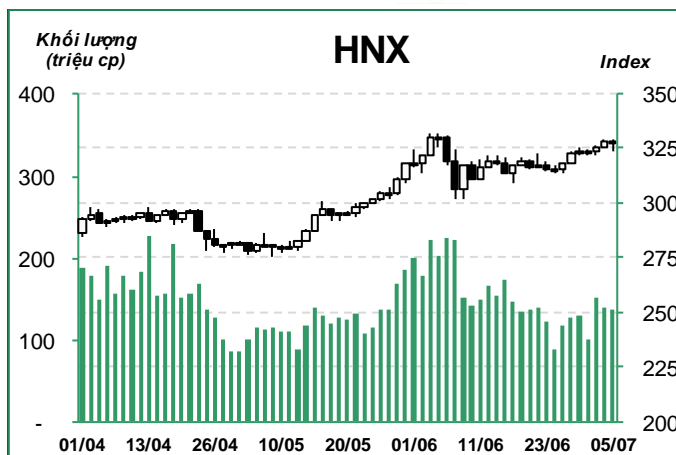
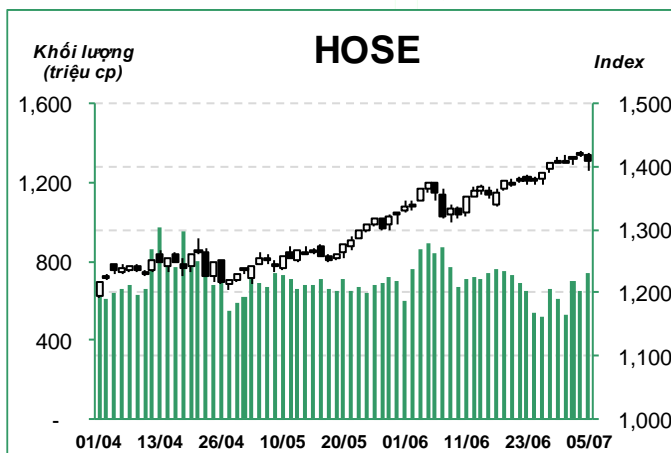


## Tổng quan thị trường

05/07/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,411.13</b>	<b>-0.64%</b>	<b>1,557.41</b>	<b>0.18%</b>	<b>327.76</b>	<b>-0.08%</b>
Cuối tuần trước	1,420.27	-0.64%	1,554.59	0.18%	328.01	-0.08%
Trung bình 20 ngày	1,385.13	1.88%	1,498.41	3.94%	319.86	2.47%
<b>Tổng KLGĐ (triệu cp)</b>	<b>817.33</b>	<b>15.63%</b>	<b>324.35</b>	<b>24.42%</b>	<b>143.54</b>	<b>-2.86%</b>
<b>KLGĐ khớp lệnh</b>	<b>743.57</b>	<b>13.76%</b>	<b>309.40</b>	<b>27.44%</b>	<b>138.29</b>	<b>-0.92%</b>
Trung bình 20 ngày	670.33	10.93%	228.22	35.57%	136.13	1.59%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>28,036.22</b>	<b>7.66%</b>	<b>16,927.87</b>	<b>10.12%</b>	<b>3,369.83</b>	<b>-5.43%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>24,882.95</b>	<b>9.31%</b>	<b>15,767.80</b>	<b>18.19%</b>	<b>3,325.58</b>	<b>-0.82%</b>
Trung bình 20 ngày	20,978.24	18.61%	11,774.22	33.92%	3,201.99	3.86%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	112	26%	8	27%	61	17%
<b>Số mã giảm</b>	287	67%	22	73%	158	43%
<b>Số mã đứng giá</b>	28	7%	0	0%	148	40%



Thị trường chứng khoán chìm trong sắc đỏ ngay trong ngày đầu tiên vận hành hệ thống mới với diễn biến giảm mạnh của hầu hết các nhóm ngành, bao gồm cả cổ phiếu Bluechips cũng như midcap và penny. Chỉ số VN-Index đã có lúc giảm thủng mốc 1,400 điểm. Tuy nhiên, mức giảm của các chỉ số dần được thu hẹp vào cuối phiên nhờ lực cầu gia tăng đột biến ở một số trụ cột của nhóm ngân hàng. Bên cạnh đó, việc vận hành hệ thống giao dịch mới cũng đem lại những tín hiệu tích cực khi thanh khoản đang trên đà tăng trở lại.

Trên sàn HoSE, VN-Index giảm hơn 9 điểm và chốt phiên tại mức 1,411.13 điểm (-0.64%). Thanh khoản tăng lên mức cao nhất trong gần 1 tháng qua với KLGĐ khớp lệnh đạt 743.6 triệu cổ phiếu (+13.8%), tương đương 24,883 tỷ đồng giá trị (+9.3%). Trong khi đó, độ rộng thị trường tiếp tục nghiêng về hướng tiêu cực với sự áp đảo hoàn toàn của bên bán với 287 mã giảm/112 mã tăng.

Trong đó, đáng chú ý là phiên giảm sàn của Vincom Retail-VRE (-6.9%) cùng một số cổ phiếu khác cũng giảm mạnh như PV Gas-GAS (-4.8%), Vingroup-VIC (-2.1%), Hòa Phát-HPG (-2.1%) gây sức ép đáng kể cho chỉ số. Trong khi đó, nhóm ngân hàng ngược dòng ngoạn mục với hàng loạt cổ phiếu bứt phá mạnh mẽ như Techcombank-TCB (+6.8%), Ngân hàng Á Châu-ACB (+5.1%), Sacombank-STB (+3.5%). Ngoài ra còn có các cổ phiếu thuộc nhóm bán lẻ với Thế giới di động-MWG (+6.2%), Bán lẻ FPT-FRT (+6.9%) và nhóm cao su với Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+0.3%), Cao su Đà Nẵng-DRC (+1.4%) hay Cao su Đồng Phú-DPR (+2.3%).

Khối ngoại quay trở lại bán ròng trong phiên giao dịch hôm nay với giá trị 68.8 tỷ đồng. Lực bán tập trung ở các cổ phiếu Vietinbank-CTG (-105.9 tỷ), Hòa Phát-HPG (-88.3 tỷ) và Novaland-NVL (-62.8 tỷ). Trong khi đó, những cổ phiếu được

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
FPT	3,468.9	341.00
HPG	4,282.4	225.28
MWG	1,124.8	182.20
TCB	2,249.2	121.35
AGG	2,225.0	109.86
LPB	2,912.0	80.81
ACB	1,823.5	69.99
SSI	809.0	46.11
E1VFN30	1,700.0	44.34
VCB	366.9	41.64
<b>HNX</b>		
PCG	3,600.0	22.68
KDM	1,000.0	6.60
VC3	203.0	4.28
IDC	100.0	3.60
DNP	100.0	2.05
SPI	100.0	1.76
NTP	20.0	1.00
PVS	25.0	0.77
NVB	32.0	0.67
SHB	18.2	0.50

mua ròng nhiều nhất lần lượt là Sacombank-STB (+91.3 tỷ), Vietcombank-VCB (+80.2 tỷ), Vinhomes-VHM (+76.4 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index cũng phục hồi mạnh cuối phiên và đóng cửa ngay sát tham chiếu tại mức 327.76 điểm (-0.08%). KLGD khớp lệnh đạt 138.3 triệu cổ phiếu (-0.9%), tương đương 3325.6 tỷ đồng giá trị (-0.8%).

Xu hướng điều chỉnh của nhóm cổ phiếu dầu khí vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại và thậm chí còn giảm mạnh hơn trong phiên hôm nay với các cổ phiếu điển hình như Dầu khí PTSC-PVS (-3.9%), Dung dịch Khoan Dầu khí-PVC (-5.4%). Ngoài ra, nhóm chứng khoán cũng bị chốt lời mạnh ở nhiều cổ phiếu như Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-3.0%), Chứng khoán MB-MBS (-2.5%) hay Chứng khoán VNDIRECT-VND (-1.9%). Ở chiều ngược lại, nỗ lực tăng điểm của Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+3.4%) cùng với Thaiholdings-THD (+0.2%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+1.4%) đã giúp HNX-Index tránh được một phiên giảm sâu.

Khối ngoại có phiên bán ròng thứ 8 liên tiếp trên sàn HNX, đạt giá trị 15.6 tỷ đồng (-45.0%). Trong đó, Chứng khoán VNDIRECT-VND (-12.8 tỷ) tiếp tục dẫn đầu trong số những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Bên cạnh đó còn có Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-3.8 tỷ) và Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-2.2 tỷ) cũng là những cổ phiếu bị bán ròng mạnh. Trái lại, khối ngoại mua ròng các cổ phiếu như Dầu khí PTSC-PVS (+2.9 tỷ), Chứng khoán Trí Việt-TVB (+2.4 tỷ) và Chứng khoán BIDV-BSI (+1.8 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng và trên mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số vẫn giữ được xu hướng tăng, khi duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với đường ADX nằm trên vùng 28 và đường +DI nằm trên -DI cho tín hiệu xác nhận xu hướng tăng hiện tại, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính rung lắc kỹ thuật. Mặc dù, chỉ số cắt xuống dưới MA5 nhưng trên đồ thị ngày hình thành nền rút chân với bóng dưới dài, cho thấy lực cầu tham gia khá mạnh và mở ra cơ hội cho chỉ số lấy lại đà tăng vào phiên kế tiếp. Trong trường hợp tích cực, chỉ số tiến lên thử thách lại ngưỡng 1,420 điểm (đỉnh cũ) trong phiên tới. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên giảm điểm trở lại nhưng vẫn đóng cửa trên MA20, cho thấy phiên giảm điểm có thể chỉ mang tính rung lắc, chỉ số có thể sớm đi lên trở lại và hướng lên thử thách vùng đỉnh 330 điểm. Nhìn chung, thị trường vẫn giữ được xu hướng tăng, phiên giảm điểm 05/07 có thể chỉ mang tính rung lắc kỹ thuật. Do đó, nhà đầu tư có thể tận dụng nhịp rung lắc để tái cơ cấu danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, dự báo kết quả kinh doanh quý 2 tăng trưởng và đang hút được dòng tiền mạnh.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SVC	73.6	8.6	7.0%
TNT	9.4	996.3	6.9%
AGM	33.2	82.0	6.9%
FRT	29.4	4,190.2	6.9%
TGG	11.8	2,572.6	6.8%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HU1	8.3	1.1	-7.0%
DAH	9.0	396.1	-7.0%
VRE	29.5	6,575.3	-6.9%
DAT	20.4	5.9	-6.8%
VPH	5.6	603.2	-6.8%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCB	58.0	2,740.8	6.8%
HPG	51.2	2,123.6	-2.1%
VPB	72.7	1,700.3	0.8%
STB	32.6	1,671.0	3.5%
MBB	43.1	1,131.4	-0.8%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	32.6	52,720.0	3.5%
TCB	58.0	48,936.4	6.8%
HPG	51.2	41,144.0	-2.1%
FLC	12.3	31,346.2	-5.7%
MBB	43.1	26,367.4	-0.8%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
MAS	53.2	8.7	9.9%
QHD	37.4	0.1	9.7%
NFC	10.4	1.5	9.5%
PGT	4.7	3.7	9.3%
BII	7.1	4,891.0	9.2%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BTS	7.0	129.2	-9.1%
ALT	10.5	0.1	-8.7%
SSC	40.5	0.6	-8.6%
PSE	10.4	22.1	-8.0%
HEV	14.0	1.5	-7.3%

#### Top 5 giá trị

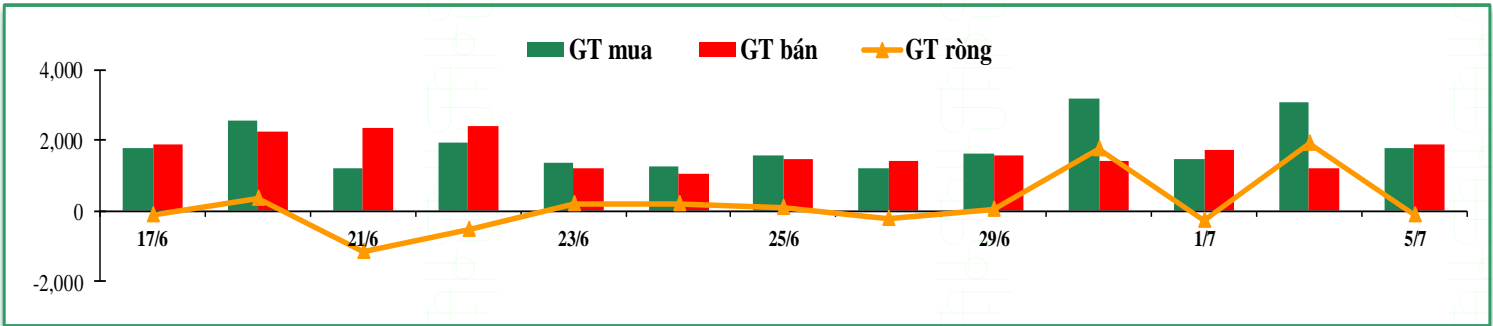
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	30.0	1,052.1	3.4%
PVS	27.0	414.9	-3.9%
SHS	45.9	373.1	-3.0%
VND	47.5	305.4	-1.9%
THD	206.8	131.5	0.2%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	30.0	35,847.6	3.4%
PVS	27.0	15,205.3	-3.9%
KLF	4.8	8,395.6	-5.9%
SHS	45.9	8,109.2	-3.0%
VND	47.5	6,437.6	-1.9%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,741.8	6.2%	1,810.6	6.5%	-68.8
HNX	38.8	1.2%	54.3	1.6%	-15.6
<b>Tổng số</b>	<b>1,780.6</b>		<b>1,864.9</b>		<b>-84.4</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FPT	92.7	317.5	0.9%
MWG	166.5	146.1	6.2%
VCB	113.6	136.8	-1.1%
STB	32.6	97.4	3.5%
VHM	118.5	96.3	0.4%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FPT	92.7	317.6	0.9%
HPG	51.2	156.4	-2.1%
MWG	166.5	146.1	6.2%
CTG	52.1	122.0	-1.1%
SSI	56.5	78.8	-2.4%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
STB	32.6	91.3	3.5%
VCB	113.6	80.2	-1.1%
VHM	118.5	76.4	0.4%
MSN	111.6	44.7	-2.0%
GAS	92.0	44.1	-4.8%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PCG	7.0	25.3	0.0%
PVS	27.0	2.9	-3.9%
TVB	16.0	2.5	0.0%
VND	47.5	1.9	-1.9%
BSI	25.5	1.8	-1.2%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PCG	7.0	27.0	0.0%
VND	47.5	14.7	-1.9%
SHS	45.9	4.7	-3.0%
SHB	30.0	2.4	3.4%
VCS	112.0	2.4	0.2%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	27.0	2.9	-3.9%
TVB	16.0	2.4	0.0%
BSI	25.5	1.8	-1.2%
KLF	4.8	0.5	-5.9%
MAS	53.2	0.4	9.9%

## Tin trong nước

### **SSI Research: ACB, LPB, MSB, SSB, OCB và VIB có thể được thêm vào chỉ số VNFin Lead**

Bộ chỉ số HoSE-Index, VNX-Index cùng các chỉ số đầu tư bao gồm VNDiamond, VNFin Lead và VNFin Select sẽ thực hiện công bố danh mục cơ cấu vào 19/7, hoàn thành cơ cấu danh mục vào 30/7 và ngày chỉ số mới có hiệu lực vào 2/8.

SSI Research dự báo VNFin Lead có thể thêm vào 6 cổ phiếu gồm ACB, LPB, MSB, SSB, OCB và VIB do đã đạt thời gian giao dịch 3 tháng trên HoSE cùng các điều kiện yêu cầu về thanh khoản. Trong khi đó, BVH và HCM có thể bị loại do rơi ra ngoài mức tích lũy 98% về giá trị vốn hóa của tập hợp cổ phiếu.

Đối với chỉ số VN30, SSI Research giữ nguyên dự báo trước đây là ACB, SAB và GVR có thể được thêm vào danh mục trong khi TCH, SBT và REE có thể bị loại.

### **VNDirect: Nửa cuối năm 2021, tăng trưởng GDP Việt Nam có thể đạt mức 7%**

Bất chấp tình hình diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, GDP Việt Nam quý 2/2021 ước tính tăng 6,61% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung GDP 6 tháng đầu năm tăng 5,64%, cao hơn tốc độ tăng 1,82% của 6 tháng đầu năm 2020.

Theo báo cáo chiến lược của CTCP Chứng khoán VNDirect, dự báo nửa cuối năm, GDP của Việt Nam có thể đạt mức tăng 7% so với cùng kỳ năm 2020 (2,6%), qua đó kéo mức tăng trưởng cả năm nay lên 6,5%.

Theo TCTK, vốn đăng ký của các dự án FDI trong 6 tháng đầu năm 2021 giảm 2,6% so với cùng kỳ, xuống còn 15,3 tỷ USD, cải thiện từ mức giảm 15,2% trong 6 tháng đầu năm. Vốn thực hiện của các dự án FDI đạt 9,2 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm ngoái (so với mức giảm 4,9% của năm 2020).

### **Hãng vận tải container lớn nhất thế giới dự kiến khai trương tuyến đường biển qua Việt Nam vào tháng 8/2021**

Gần đây, Maersk thông báo sẽ mở thêm hai tuyến đường biển quốc tế mới đi qua khu vực Thái Bình Dương vào tháng 8 với tần suất liên tục hàng tuần. Hai tuyến hàng hải này gồm TPX và TP20 sẽ nối châu Á đến lần lượt bờ biển phía tây, phía đông nước Mỹ. Tuyến TP20 sẽ ghé qua Vũng Tàu (Việt Nam).

Thống kê từ Hiệp hội cảng biển Việt Nam cho biết từ đầu năm 2021 đến nay, hàng container thông qua khu vực Cái Mép – Thị Vải (CM-TV) ở Vũng Tàu đạt khoảng 2,3 triệu teu, tăng 47% so với cùng kỳ năm ngoái. Nếu như trước đây hàng hóa của khu vực phía nam chủ yếu qua cảng Cát Lái thì hiện tỷ lệ qua cảng này chỉ còn 60%, 40% còn lại qua CM-TV. Với thành tích này, CM-TV tiếp tục nằm trong nhóm cảng biển có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trên thế giới, với mức tăng khoảng 22%/năm.

Giai đoạn 2021-2025, ngành hàng hải Vũng Tàu đặt mục tiêu tổng sản lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng đạt khoảng 375 triệu tấn, bình quân khoảng 75 triệu tấn/năm; tổng doanh thu dịch vụ cảng đạt khoảng 20.000 tỷ đồng.

Nguồn: NDH, Cafef



## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **TPBank lãi 3.007 tỷ đồng nửa đầu năm**

TPBank (HoSE: TPB) vừa công bố kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 với sự tăng trưởng vượt bậc ở các chỉ số kinh doanh. Tổng thu nhập hoạt động của TPBank đạt 6.233 tỷ đồng, tăng 27% so với nửa đầu 2020. Lợi nhuận trước thuế hơn 3.007 tỷ đồng, tăng 47,8% và tương đương 54% kế hoạch cả năm.

Tổng tài sản của TPBank đạt hơn 242.000 tỷ đồng, gần đạt mục tiêu 250.000 tỷ đồng cho cả năm. Dự báo cuối năm tổng tài sản sẽ tăng vượt xa kế hoạch. Tại 30/6, ngân hàng huy động được hơn 217.000 tỷ đồng, tăng 17,5% so với cuối năm 2020 và tương đương 98,3% kế hoạch năm.

Một trong những nguyên nhân giúp tăng trưởng lợi nhuận trước thuế của TPBank cao là ngân hàng đã tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động dựa trên nền tảng số hóa và quản trị tốt.

### **HDBank chia cổ tức tỷ lệ 25%**

HDBank (HoSE: HDB) vừa được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%, qua đó tăng vốn điều lệ lên hơn 20.073 tỷ đồng. Ngân hàng sẽ phát hành hơn 398 triệu cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ phân phối 25%. Việc chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức dự kiến sẽ được thực hiện trong tháng 7.

Quý I, HDBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế hơn 2.100 tỷ đồng, tăng 68% so với cùng kỳ 2020 và hoàn thành gần 30% kế hoạch cả năm. Thu nhập dịch vụ tăng gấp 2 lần cùng kỳ năm trước.

### **GVR: Mảng khu công nghiệp sẽ đem về lợi nhuận chính, kế hoạch lợi nhuận năm 2021 vào mức 4.564 tỷ đồng**

Tập đoàn Công Nghiệp Cao su Việt Nam (GVR) đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021, thông qua kế hoạch doanh thu và lợi nhuận công ty mẹ đi ngang năm 2020, lần lượt vào mức 4.291 tỷ đồng và 3.041 tỷ đồng. Cổ tức dự chia là 6%/vốn điều lệ, tương đương số tiền bỏ ra khoảng 2.400 tỷ đồng.

Về chỉ số hợp nhất, GVR đặt kế hoạch doanh thu 26.914 tỷ đồng, LNST 4.564 tỷ đồng, tương đương tỷ suất lợi nhuận/doanh thu vào mức 17%.

Việc định hướng chuyển đổi đất trồng cao su sang phát triển hạ tầng KCN nói trên có thể giúp GVR trở thành một trong những nhà phát triển công nghiệp lớn nhất khu vực miền Nam bên cạnh Becamex, Tín Nghĩa, Sonadezi, hay VSIP...

Năm 2020, mảng KCN đóng góp doanh thu 1.522 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 821 tỷ đồng, vượt 27% kế hoạch năm. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ bình quân khoảng 60%.

Nguồn: NDH, Cafef

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Chốt lời	06/07/21	59	49.9	18.2%	66	32.3%	47	-5.8%	Tín hiệu suy yếu
2	VRE	Cắt lỗ	06/07/21	29.5	31.7	-6.9%	36	13.6%	30	-5.4%	Chạm cắt lỗ

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	MSB	Quan sát mua	06/07/21	31.4	34.5-35.5	Tín hiệu test cung khá tốt với nền rút chân kèm vol dưới trung bình -> khả năng tiếp tục nhịp tăng sau khi vượt đỉnh
2	BWE	Quan sát mua	06/07/21	33.85	38   41	Tín hiệu retest vùng đỉnh cũ 33-33.5 khá tốt với nền rút chân dài kèm vol thấp -> cần nền tăng đóng cửa > 34 để xác nhận tạo đáy
3	NTL	Quan sát mua	06/07/21	28.1	32	Phiên tăng tốt vượt đỉnh kèm vol cao trong lúc thị trường giảm điểm cho thấy khá khỏe so với thị trường -> khả năng tiếp tục tăng điểm, có thể canh mua khi giá điều chỉnh về vùng 27.7-27.9

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VCS	Mua	16/06/21	112	103.7	8.0%	122	17.6%	97.8	-6%	
2	VNM	Mua	21/06/21	89.2	92.1	-3.1%	101.5	10.2%	88.6	-4%	
3	HPG	Mua	29/06/21	51.2	52.4	-2.3%	60	15%	49.8	-5%	
4	TLH	Mua	29/06/21	18.95	17.8	6.5%	20.25	14%	16.7	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

5	CNG	Mua	30/06/21	25.6	24.2	5.8%	26.5	10%	23.5	-3%
6	FRT	Mua	02/07/21	29.4	27.55	6.7%	32.5	18%	26.4	-4%
7	PLX	Mua	02/07/21	54.5	55.5	-1.8%	60	8%	54	-3%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 05/07/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CHDB2101	1,000	3,200	4.6%	220%	5,280	79	37,400	1,530	(1,670)	KIS	HDB	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2101	1,050	8,100	-3.0%	671%	3,920	79	51,200	5,824	(2,276)	KIS	HPG	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2105	3,000	15,700	-3.7%	423%	18,410	35	51,200	13,589	(2,111)	HCM	HPG	30,880	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	12,500	-6.0%	205%	8,340	53	51,200	9,603	(2,897)	MBS	HPG	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	4,600	-5.2%	254%	11,460	38	51,200	2,067	(2,533)	KIS	HPG	43,650	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	4,520	-5.8%	277%	28,400	38	51,200	2,051	(2,469)	KIS	HPG	43,710	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,590	-3.2%	124%	9,430	42	36,800	3,336	(254)	KIS	KDH	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,880	-0.7%	188%	3,010	79	36,800	1,476	(1,404)	KIS	KDH	30,300	4.5	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,400	-3.9%	93%	5,350	39	36,800	4,775	(625)	MBS	KDH	28,270	1.8	13/08/2021
CMBB2102	1,200	2,860	-3.1%	138%	9,540	38	43,100	871	(1,989)	KIS	MBB	34,470	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,270	-13.7%	116%	5,450	79	111,600	663	(1,607)	KIS	MSN	99,150	19.8	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,100	-4.6%	110%	10,180	79	111,600	230	(1,870)	KIS	MSN	110,160	19.8	22/09/2021
CMSN2103	3,000	5,030	-3.3%	68%	13,610	39	111,600	4,161	(869)	MBS	MSN	87,250	5.9	13/08/2021
CMWG2102	3,000	8,800	17.3%	193%	44,870	28	166,500	9,339	539	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2104	2,400	7,200	3.3%	200%	35,240	(105)	166,500	(4)	(7,204)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,950	15.4%	68%	20,940	53	166,500	4,426	(524)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	1,000	5,400	-4.9%	440%	33,590	79	115,000	4,993	(407)	KIS	NVL	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,490	-4.4%	217%	37,270	84	115,000	1,765	(1,725)	KIS	NVL	94,640	11.8	27/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CPDR2101	1,100	4,070	-6.7%	270%	32,890	53	95,000	1,323	(2,747)	KIS	PDR	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,620	-7.2%	320%	2,760	84	95,000	1,470	(3,150)	KIS	PDR	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2102	2,000	4,990	2.7%	150%	14,040	28	99,300	4,040	(950)	VCI	PNJ	79,230	5.0	02/08/2021
CSBT2101	1,100	2,330	-3.7%	112%	3,470	79	20,500	3	(2,327)	KIS	SBT	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,390	1.4%	539%	8,990	79	32,600	5,351	(1,039)	KIS	STB	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,590	3.1%	442%	25,870	35	32,600	7,319	(271)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	11,200	5.2%	180%	11,410	53	32,600	9,771	(1,429)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	35,990	10.1%	566%	4,530	25	58,000	36,032	42	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	28,000	13.8%	460%	17,640	92	58,000	27,167	(833)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2103	2,900	11,480	17.7%	296%	96,730	35	58,000	11,287	(193)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	8,300	14.2%	315%	26,160	53	58,000	6,171	(2,129)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	880	-13.7%	-45%	26,250	42	21,300	3	(877)	KIS	TCH	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	1,900	-5.0%	90%	1,320	79	21,300	26	(1,874)	KIS	TCH	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	1,100	-12.0%	-60%	11,990	39	21,300	0	(1,100)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	930	-7.9%	-23%	31,880	38	21,300	(0)	(930)	KIS	TCH	31,670	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	2,380	-5.9%	116%	9,310	79	118,500	769	(1,611)	KIS	VHM	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2104	1,600	2,860	-3.1%	79%	18,910	35	118,500	2,070	(790)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	2,820	0.7%	88%	16,110	39	118,500	1,655	(1,165)	MBS	VHM	105,500	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,170	-1.6%	144%	16,890	38	118,500	162	(3,008)	KIS	VHM	118,670	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	1,950	-10.6%	95%	9,820	79	115,000	15	(1,935)	KIS	VIC	126,890	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	1,780	-8.7%	62%	15,190	84	115,000	0	(1,780)	KIS	VIC	165,900	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	1,730	-1.1%	57%	2,410	79	89,200	0	(1,730)	KIS	VNM	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2104	1,480	2,190	-6.8%	48%	5,740	70	89,200	1	(2,189)	MBS	VNM	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,500	-2.6%	36%	11,030	84	89,200	0	(1,500)	KIS	VNM	117,930	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	46,970	2.3%	739%	430	25	72,700	46,738	(232)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2103	2,700	17,510	-1.5%	549%	36,750	35	72,700	18,138	628	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	10,400	4.0%	316%	7,700	53	72,700	7,951	(2,449)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	4,500	-15.3%	-10%	34,010	25	29,500	2,041	(2,459)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	1,900	-0.5%	58%	7,170	79	29,500	5	(1,895)	KIS	VRE	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2103	1,300	1,040	-9.6%	-20%	32,240	35	29,500	1	(1,039)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	1,540	-7.8%	-49%	6,870	39	29,500	0	(1,540)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
GVR	(New) HOSE	36,300	40,200	05/07/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	6%
HPG	(New) HOSE	51,200	64,800	02/07/2021	28,065	6,261	18,845	33%	18%	10.4	3.4	5%
TPB	(New) HOSE	39,300	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2	0%
KDC	(New) HOSE	61,600	65,200	24/06/2021	510	1,800	32,806	7%	4%	37.1	2.8	6%
KDH	(New) HOSE	36,800	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6	-
SZC	(New) HOSE	37,300	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3	10%
GMD	HOSE	44,500	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA	HOSE	18,550	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG	HOSE	38,850	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE	HOSE	29,500	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM	HOSE	118,500	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR	HOSE	53,800	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
KBC	HOSE	38,350	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE	HOSE	54,800	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV	HOSE	31,500	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC	HOSE	43,400	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC	HOSE	36,650	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC	UPCOM	38,600	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP	HOSE	72,500	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG	HOSE	94,500	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT	HOSE	29,400	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW	HOSE	137,000	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

PNJ	HOSE	99,300	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG	HOSE	166,500	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB	HOSE	166,500	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN	HOSE	111,600	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM	HOSE	89,200	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM	HOSE	91,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK	HOSE	40,200	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL	HOSE	115,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG	UPCOM	42,900	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB	HOSE	113,600	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB	HOSE	37,950	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB	HOSE	58,000	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG	HOSE	16,750	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP	HOSE	57,600	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD	HOSE	62,800	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT	HOSE	92,700	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS	HNX	18,600	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC	HOSE	42,800	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV	UPCOM	77,000	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX	HOSE	54,500	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT	HOSE	20,500	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS	UPCOM	40,400	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS	HOSE	92,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH	HOSE	63,400	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG	HOSE	22,700	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL	HOSE	64,800	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR	UPCOM	20,100	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN	HOSE	17,700	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG	HOSE	44,300	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR	UPCOM	74,000	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW	HOSE	11,700	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.